TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/10/2022

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Ông Nguyễn Hiếu Luân

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tư- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/7/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/10/2022 giữa các

đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thanh H**– sinh năm 1990 (*có mặt)*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn L, xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Trú tại: cụm 9, xã D, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Tạ Huy H1** - sinh năm 1990 *(vắng mặt)*

Nơi đăng ký thường trú và trú tại: thôn L, xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/6/2022 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Lê Thanh H trình bày:

Chị và anh Tạ Huy H1 được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2016 tại UBND xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L, xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế, không nhường nhịn, tôn trọng nhau và thường xuyên cãi nhau. Mặt khác, anh H1 thường xuyên rượu chè về nhà chửi vợ, đuổi vợ ra khỏi nhà. Năm 2019, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã đưa con gái về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Thời gian gần đây chị được Cơ quan Công an thông báo anh H1 có hành vi vi phạm pháp luật, bị Tòa án xử phạt tù nhưng anh H1 đang trốn thi hành án. Chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng quay về đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H1 có một con chung là cháu Tạ Ngọc B, sinh ngày 21/12/2016. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị làm nhân viên kho của Công ty văn phòng phẩm D, có mức thu nhập là khoảng 8.000.000 đồng/01 tháng. Chị có chỗ ở ổn định là ở cùng bố mẹ đẻ tại cụm 9, xã D, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị H đã giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh về thu nhập, chỗ ở cho Tòa án.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị H không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Tạ Huy H1: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng triệu tập, thông báo cho anh H1 và đã đăng phát thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình cho anh H1 trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc, vắng mặt nhiều lần không có lý do. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của anh H1.

Tại phiên toà:

+Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thanh H được ly hôn anh Tạ Huy H1. Về con chung: Giao con chung là cháu Tạ Ngọc B, sinh ngày 21/12/2016 cho chị Lê Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với đến khi các bên có yêu cầu. Anh H1 có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Qua xác minh tại chính quyền địa phương anh H1 đăng ký thường trú tại thôn L, xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Năm 2021, anh H1 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội xử phạt tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" nhưng chưa thi hành án thì bỏ trốn. Trường hợp này xác định người bị kiện cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân huyện Thường Tín tiến hành thụ lý vụ án, giải quyết theo thủ tục chung.

Anh Tạ Huy H1 đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thanh H và anh Tạ Huy H1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/3/2016 tại UBND xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua xác minh tại địa phương nơi anh chị chung sống tại thôn L, xã Q, huyện Thường Tín và gia đình chị H, anh H1 thì vợ chồng anh chị đã không chung sống cùng nhau 03 năm nay. Mẹ đẻ anh H1 xác nhận mâu thuẫn vợ chồng của anh chị là do khó khăn về kinh tế, vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H1 đuổi vợ ra khỏi nhà sau đó chán nản rượu chè. Gia đình của anh chị đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng cả hai không chịu nhường nhịn quay về chung sống cùng nhau. Mặt khác, thời gian vợ chồng sống ly thân anh H1 có hành vi vi phạm pháp luật và bị kết án phạt tù thì chị H không biết do hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thanh H được ly hôn anh Tạ Huy H1.

[4] Về con chung: chị H và anh H1 có một con chung là cháu Tạ Ngọc Bích sinh ngày 21/12/2016. Chị H có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện đảm bảo nuôi dạy con chung. Anh H1 vắng mặt nên không có quan điểm về con chung. Xét thấy, cháu Bích còn nhỏ tuổi, là con gái và hiện đang được chị H chăm sóc giáo dục. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Tạ Ngọc Bích cho chị Lê Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6]Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự năm 2008.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thanh H. Chị Lê Thanh H được ly hôn anh Tạ Huy H1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Tạ Ngọc B sinh ngày 21/12/2016 cho chị Lê Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số AA/2020/0022970 ngày 22/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Tạ Huy H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;

-TAND Thành phố Hà Nội;

- VKSND Thành phố Hà Nội;

- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;

-Chi cục THA huyện Thường Tín;

- UBND xã Q, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội;

- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền